TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 910/2022/DS-ST
Ngày: 30/5/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên toà: Bà ***Dương Thị Diễm*** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 04 tháng 5 năm 2022 và ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0872/2021/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐST – DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP Q**

Địa chỉ: Tầng 1, Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower – 111A đường P, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc T (theo giấy ủy quyền số 03036.21 ngày 07/4/2021)

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Bích H**

Địa chỉ: 82/17/15 đường H, phường M, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2021, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do ông Ngô Quốc T trình bày:

Ngày 14/11/2019, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng tín dụng số 4395325.19 với nội dung: nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 680.000.000 đồng, thời hạn vay: 84

tháng (từ ngày 20/11/2019 đến ngày 19/11/2026), mục đích vay là mua xe ô tô hiệu Toyota. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn trả nợ gốc vào ngày 15 (mỗi lần trả 8.100.000 đồng), số tiền còn lại thanh toán vào cuối kỳ, trả lãi hàng tháng vào ngày 15, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2019. Trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên, bị đơn đã thế chấp tài sản của mình là chiếc xe ô tô Toyota, biển số 51D-618.64, số khung MROBA3CD4K002009, số máy: 1GD4745856 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4395325.19 ngày 14/11/2019 và phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 14/11/2019.

Ngày 19/11/2019, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 680.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 13.188.742 đồng (gốc 8.200.000 đồng, lãi 4.988.742 đồng) và luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/01/2020.

Tính đến ngày 30/5/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 957.021.045 đồng (trong đó nợ gốc là 671.800.000 đồng, lãi là 285.221.045 đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 957.021.045 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 31/05/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Toyota, biển số 51D-618.64, số khung MROBA3CD4K002009, số máy: 1GD4745856 theo hợp đồng thế chấp số 4395325.19 ngày 14/11/2019 và phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 14/11/2019.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Thạnh, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và Bà Huỳnh Thị Bích H là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

- *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Ngày 14/11/2019, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng tín dụng số 4395325.19 với nội dung: nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 680.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 20/11/2019 đến ngày 19/11/2026), mục đích vay là mua xe ô tô hiệu Toyota. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn trả nợ gốc vào ngày 15 (mỗi lần trả 8.100.000 đồng), số tiền còn lại thanh toán vào cuối kỳ, trả lãi hàng tháng vào ngày 15, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/12/2019. Trả phí theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên, bị đơn đã thế chấp tài sản của mình là chiếc xe ô tô Toyota, biển số 51D-618.64, số khung MROBA3CD4K002009, số máy: 1GD4745856 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4395325.19 ngày 14/11/2019 và phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 14/11/2019.

Ngày 19/11/2019, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 680.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 13.188.742 đồng (gốc 8.200.000 đồng, lãi 4.988.742 đồng) và luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/01/2020.

Tính đến ngày 30/5/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 957.021.045 đồng (trong đó nợ gốc là 671.800.000 đồng, lãi là 285.221.045 đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 957.021.045 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 31/05/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Toyota, biển số 51D-618.64, số khung MROBA3CD4K002009, số máy: 1GD4745856 theo hợp đồng thế chấp số 4395325.19 ngày 14/11/2019 và phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 14/11/2019.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền bị đơn còn thiếu tính đến ngày 30/5/2022 là 957.021.045 đồng (trong đó nợ gốc là 671.800.000 đồng, lãi là 285.221.045 đồng) nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết chiếc xe ô tô Toyota, biển số 51D-618.64, số khung MROBA3CD4K002009, số máy: 1GD4745856 theo hợp đồng thế chấp số 4395325.19 ngày 14/11/2019 và phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 14/11/2019 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q

1.1 Buộc bà Huỳnh Thị Bích H trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền số tiền 957.021.045 đồng (trong đó nợ gốc là 671.800.000 đồng, lãi là 285.221.045 đồng)

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ ngày 31/5/2022, bà Huỳnh Thị Bích Hạnh phải tiếp tục trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất được quy định trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 40.710.631 đồng bà Huỳnh Thị Bích H phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí là 18.110.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0089860 ngày 01/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP.HCM.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Ngọc Yến

Nơi nhận:
- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Quận Bình Thạnh.
- THA DS Quận Bình Thạnh.
- Các đương sự
- LưuVP, HS